



HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY

**Câu 10.** Số vô tỉ là

- A. số thập phân vô hạn tuần hoàn.
- B. số thập phân hữu hạn.
- C. không xác định được.
- D. số thập phân vô hạn không tuần hoàn.

**Câu 11.** Kết quả của phép tính  $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}$  là

- A.  $\frac{22}{15}$ .
- B.  $\frac{8}{15}$ .
- C.  $\frac{-2}{5}$ .
- D.  $\frac{6}{8}$ .

**Câu 12.** Sử dụng máy tính cầm tay tính  $\sqrt{8}$  và làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai.

- A. 2,828.
- B. 2,8.
- C. 2,82.
- D. 2,83.

**B. TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Bài 1.** (1 điểm) Điền kí hiệu ( $\in$ ,  $\notin$ ,  $\subset$ ) thích hợp vào ô trống:

$\frac{-1}{3} \square \mathbb{Q}$ .       $\sqrt{3} \square \mathbb{Q}$ .       $\frac{2}{7} \square \mathbb{R}$ .       $\mathbb{Q} \square \mathbb{R}$ .

**Bài 2.** (1,5 điểm)

a. Thực hiện phép tính:  $|-3| + \sqrt{9}$

.....  
.....  
.....

b. Thực hiện phép tính:  $\left(\frac{2}{3}\right)^2 - \frac{1}{2} \cdot \frac{4}{9} + \frac{5}{3}$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

c. Tìm  $x$ , biết:  $\frac{1}{2}x - \frac{1}{3} = \frac{2}{5}$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....



## HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY

**Bài 5.** (1 điểm) Mẹ An dự định gửi 100 triệu vào ngân hàng với một trong hai hình thức như sau:

+ Hình thức 1 (Lãi đơn): Tiền lãi mỗi năm là 6,9 % số tiền đã gửi.

+ Hình thức 2 (Lãi kép): Tiền lãi mỗi năm là 6,8 % và số tiền lãi này sẽ được nhập vào vốn để tính lãi cho năm tiếp theo.

Sau hai năm, mẹ An sẽ nhận được số tiền cả vốn lẫn lãi. Theo em, mẹ An nên chọn hình thức nào để có được số tiền lãi lớn hơn. Giải thích?

--HẾT--

**HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**

HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY

SỞ GD & ĐT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
 Trường Tiểu học, THCS và THPT Văn  
 Lang 2022 – 2023

**ĐÁP ÁN**  
**KIỂM TRA HỌC KÌ 1**  
 Môn: Toán 7  
 MÃ ĐỀ 101 – 102 – 103 – 104

**Phần 1: Trắc nghiệm (0,25đ/câu)**

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
102	C	B	A	B	B	D	B	C	B	D	A	D

**Phần 2: Tự luận (7 điểm)**

**Bài 1. (1 điểm)**

$\frac{-1}{3} \in \mathbb{Q}$	0,25đ
	0,25đ
$\sqrt{3} \notin \mathbb{Q}$ $2 \in \mathbb{R}$ $\frac{7}{7} \in \mathbb{Q}$ $\mathbb{Q} \subset \mathbb{R}$	0,25đ
	0,25đ

**Bài 2. (1,5 điểm)**

a. $ -3  + \sqrt{9}$ $= 3 + 3$ $= 6$	0,25đ 0,25đ
b. $\left(\frac{2}{3}\right)^2 - \frac{1}{2} \cdot \frac{4}{9} + \frac{5}{3}$ $= \frac{4}{9} - \frac{2}{9} + \frac{5}{3}$ $= \frac{17}{9}$	0,25đ 0,25đ
c. $\frac{1}{2}x - \frac{1}{3} = \frac{2}{5}$ $\frac{1}{2}x = \frac{2}{5} + \frac{1}{3}$ $x = \frac{11}{15} : \frac{1}{2} = \frac{22}{15}$	0,25đ 0,25đ

**Bài 3. (2,5 điểm)**

a. + Góc đồng vị với $\widehat{B_2}$ là $\widehat{A_2}$	0,25đ
+ Góc đối đỉnh với $\widehat{B_2}$ là $\widehat{B_4}$	0,25đ
+ Góc kề bù với $\widehat{B_2}$ là $\widehat{B_1}$ (hoặc $\widehat{B_3}$ )	0,25đ
+ Góc so le trong với $\widehat{B_2}$ là $\widehat{A_4}$	0,25đ
+ Góc trong cùng phía với $\widehat{B_2}$ là $\widehat{A_1}$	0,25đ
b.	

## HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY

### Bài 4. (1 điểm)

Tên biểu đồ

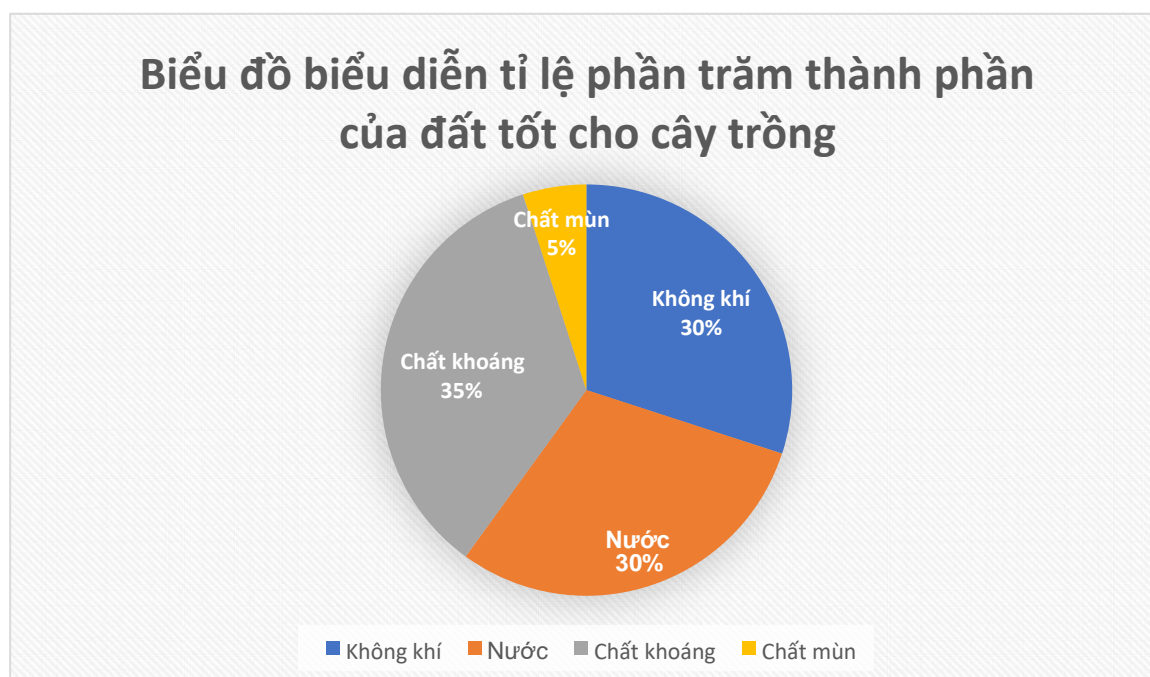
0,25đ

Đường tròn

0,5đ

Chú thích

0,25đ



### Bài 5. (1 điểm)

Số tiền cả gốc lẫn lãi theo lãi đơn: $100 + 6,9\% \cdot 100 \cdot 2 = 113,8$ triệu đồng	0,25đ
Số tiền cả gốc lẫn lãi sau 1 năm theo lãi kép: $100 + 6,8\% \cdot 100 = 106,8$ triệu đồng	0,25đ
Số tiền cả gốc lẫn lãi sau 2 năm theo lãi kép: $106,8 + 6,8\% \cdot 106,8 = 114,0624$ triệu đồng	0,25đ
Vậy mẹ An nên chọn hình thức 2 (lãi kép) để có tiền lãi lớn hơn.	0,25đ

## HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY

### MA TRẬN + BẢN ĐẶC TẢ KIỂM TRA HỌC KÌ I

#### TOÁN 7 a) Ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra cuối học kì I, tuần 16.
- Thời gian làm bài: 90 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận).
- Cấu trúc:
- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
- Phần trắc nghiệm: 3,0 điểm; gồm 12 câu hỏi (ở mức độ nhận biết: 6 câu; thông hiểu: 4 câu; vận dụng: 2 câu)
- Phần tự luận: 7,0 điểm (Nhận biết: 2,5 điểm, Thông hiểu: 2 điểm; Vận dụng: 1,5 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số		Điểm số	
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số ý tự luận	Số câu trắc nghiệm		
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Số hữu tỉ.	2 (0,5)	1 (0,25)	1 (0,5)	1 (0,25)	1 (0,5)			1 (1,00)		5	2	3
Số vô tỉ. Số thực	4 (1,00)	4 (1,00)		2 (0,5)		2 (0,5)				4	8	3
Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	4 (1,00)									4		1
Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song			6 (1,50)							6		1,5
Định lí và chứng minh một định lí		1 (0,25)		1 (0,25)							2	0,5



**HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**

Biểu đồ hình quạt tròn					<b>1</b> <b>(1,00)</b>					1		1
<b>Số ý TL/ Số câu TN</b>	<b>8</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	<b>10</b>
<b>Điểm số</b>	<b>2,5</b>	<b>1,5</b>	<b>2,0</b>	<b>1,0</b>	<b>1,5</b>	<b>0,5</b>	<b>1,0</b>	<b>0</b>		<b>7,0</b>	<b>3,0</b>	<b>10</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>4,0 điểm</b>		<b>3,0 điểm</b>		<b>2,0 điểm</b>		<b>1,0 điểm</b>			<b>10 điểm</b>		<b>10</b>
<b>Chủ đề</b>	<b>MỨC ĐỘ</b>									<b>Tổng số</b>		<b>Điểm số</b>
	<b>Nhận biết</b>		<b>Thông hiểu</b>		<b>Vận dụng</b>		<b>Vận dụng cao</b>					
	<b>Tự luận</b>	<b>Trắc nghiệm</b>	<b>Tự luận</b>	<b>Trắc nghiệm</b>	<b>Tự luận</b>	<b>Trắc nghiệm</b>	<b>Tự luận</b>	<b>Trắc nghiệm</b>	<b>Số ý tự luận</b>	<b>Số câu trắc nghiệm</b>		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	
												<b>điểm</b>

**HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
<b>ĐẠI SỐ</b>						
1	SỐ HỮU TỈ	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.	3			
		<b>Vận dụng cao:</b> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ( <i>phức hợp, không quen thuộc</i> ) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				1
		<b>Thông hiểu:</b> – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.  <b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.		2	1	

**b) Bảng đặc tả**

**HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**

<b>2</b>	<b>SỐ THỰC</b>	Căn bậc hai số học	<b>Thông hiểu:</b> – Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	2		
		Số vô tỉ. Số thực.	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. <b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.	8	2	

**HÌNH HỌC PHẪNG**

<b>3</b>	<b>GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG</b>	Các góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	<b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).	4		
		Hai đường thẳng song song	<b>Thông hiểu:</b> – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song.	6		
		Định lí và chứng minh một định lí	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết được thế nào là một định lí. <b>Thông hiểu:</b> - Hiểu được phần chứng minh của một định lí;	1	1	

**THỐNG KÊ**

HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY

4	Biểu đồ hình quạt tròn	<b>Vận dụng:</b> – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph).			1	
---	------------------------	---	--	--	---	--